

PHỤ LỤC 1: LÔ 1 - DANH MỤC DẦU CÁC LOẠI THU HỒI SAU SỬA CHỮA THANH LÝ LẦN 1 NĂM 2025 CỦA CÔNG TY

STT	Mã vật tư	Tên và quy cách vật tư thiết bị,	Đơn vị	Kho lưu VTTB	Số lượng (lít)	Trọng lượng quy đổi thực tế (Kg)	Mã chất thải
A	Danh mục VTTB tồn kho thanh lý NMTĐ Bán Chất				37.870,30	32.492,16	
1	1.31.83.010.000.00.DXX	Dầu Tuabin Shell Turbo T46 thu hồi không sử dụng được tại NMTĐ Bán Chất (Dầu bẩn lẫn tạp chất, độ ẩm cao)	Lít	418	20.096,00	17.242,37	17 03 03
2	1.41.04.008.000.00.DXX	Dầu Tuabin Shell Turbo T46 (Dầu thải đã qua sử dụng, Dầu bẩn lẫn tạp chất, độ ẩm cao)	Lít	418	11.320,00	9.712,56	
3	1.41.84.003.000.00.BXX	Dầu thải, bẩn không sử dụng được (Dầu bẩn lẫn tạp chất, độ ẩm cao)	Lít	418	9,30	7,91	
4	1.41.84.009.000.00.DXX	Dầu thu hồi đã qua sử dụng (Dầu bẩn lẫn tạp chất, độ ẩm cao)	Lít	418	60,00	51,00	
5	1.41.84.010.000.00.DXX	Dầu thải thu hồi sau sửa chữa MHY Tổ máy H1 (Dầu bẩn lẫn tạp chất, độ ẩm cao)	Lít	418	3.473,00	2.979,83	
6	1.41.84.011.000.00.DXX	Dầu thải thu hồi sau sửa chữa CNN Tổ máy H1 (Dầu bẩn lẫn tạp chất, độ ẩm cao)	Lít	418	2.912,00	2.498,50	
B	Danh mục VTTB tồn kho thanh lý NMTĐ Huội Quảng				25,00	21,25	
1	1.31.83.001.000.02.DXX	Dầu thu hồi sau sửa chữa các loại (Dầu bẩn lẫn tạp chất, độ ẩm cao)	Lít	419	25,00	21,25	17 03 03
Tổng cộng (A)+(B)					37.895,30	32.513,41	